

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 23-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TÁU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Huy Lộ;

Bà Dương Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Giàng A T, sinh năm 1980 tại xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Giàng A C (đã chết) và bà Mùa Thị L, sinh năm 1960; có vợ là Sùng Thị P và 04 con; tiền án, tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11 tháng 8 năm 2018, đến ngày 12 tháng 8 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “Có mặt”.

2. Sùng Thị P, sinh năm 1980 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; trú tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng A T (đã chết) và bà Mùa Thị S (đã chết); có chồng là Giàng A T và 04 con; tiền án, tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11 tháng 8 năm 2018, đến ngày 12 tháng 8 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “Có mặt”.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Vương Văn Điền - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

Người chứng kiến: Anh Thào A V; nơi cư trú thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”.

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A Làng - Cán bộ Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 10-8-2018 tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Sùng Thị P có hành vi tàng trữ trái phép một gói có hai lớp nilon màu trắng, bên trong có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen, để trong túi của chiếc yếm váy P đang mặc. Giàng A T và Sùng Thị P khai nhận chất nhựa dẻo màu nâu đen là thuốc phiện, T và P mới mua của một đàn ông dân tộc Mông, với giá 100.000 đồng trên đường đi thuộc thôn P, xã P; mục đích các bị cáo mua thuốc phiện về để đưa cho thầy cúng khi làm cúng ma cho con khỏi bệnh.

Tại bản kết luận giám định số: 154/GĐMT ngày 17-8-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Sùng Thị P có khối lượng 1,4 (*một phẩy bốn*) gam là ma túy; là thuốc phiện.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-TT, ngày 31-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái truy tố Giàng A T và Sùng Thị P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Giàng A T và Sùng Thị P khai nhận: Chiều ngày 10-8-2018, trên đường đi đến thôn P, xã P thì T và P gặp một người đàn ông dân tộc Mông, qua trao đổi T mua của người này một gói thuốc phiện, với giá 100.000 đồng. Sau đó T lấy tiền của P đưa trả cho người đàn ông này và đưa thuốc phiện cho P giữ; P biết toàn bộ việc mua bán này và tự nguyện giữ thuốc phiện. Mục đích các bị cáo mua thuốc phiện về để đưa cho thầy cúng khi làm cúng ma cho con khỏi bệnh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Giàng A T và bị cáo Sùng Thị P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Giàng A T và bị cáo Sùng Thị P từ 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.
- Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ phong bì đã mở niêm phong; 01 (một) chiếc túi vải có dây đeo màu đen; 01 (một) chiếc yếm váy có nhiều màu sắc, họa tiết khác nhau.

Về án phí: Buộc các bị cáo Giàng A T, Sùng Thị P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; nguyên nhân, động cơ phạm tội là tàng trữ để dùng vào việc cúng ma; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo của xã. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Giàng A T và Sùng Thị P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm m, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Giàng A T và bị cáo Sùng Thị P mỗi bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

- Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Các bị cáo đã được nghe tuyên truyền về việc cấm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy (thuốc phiện); các bị cáo nhận thức rõ được việc tàng trữ thuốc phiện, để sử dụng mục đích cá nhân là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội do lạc hậu, quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo.

- Người bào chữa giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

- Các bị cáo xin được hưởng án treo.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình để nuôi dạy con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên toà của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 10-8-2018 tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Sùng Thị P có hành vi tàng trữ trái phép 1,4 gam thuốc phiện, để trong túi của chiếc yếm váy P đang mặc. Số thuốc phiện này là của Giàng A T và Sùng Thị P.

Các bị cáo Giàng A T, Sùng Thị P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ việc cất giữ bất hợp pháp thuốc phiện là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích sử dụng cá nhân. 1,4 gam thuốc phiện mà các bị cáo T, P tàng trữ đã đủ về lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo T, P thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo T, P thực hiện đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; lời luận tội, tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị bắt, các bị cáo T, P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T và bị cáo P trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt tại địa phương.

[6] Các bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, vì vậy đây là trường hợp đồng phạm giản đơn; bị cáo T là người trực tiếp giao dịch mua ma túy, bị cáo P là người cất giữ ma túy, nên các bị cáo có vai trò tương đương nhau.

[7] Các bị cáo phạm tội lần đầu, số lượng thuốc phiện các bị cáo tàng trữ ít, có nhân thân tốt, có tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời cũng đã đảm bảo răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định các bị cáo T, P không có tài sản có giá trị, thuộc diện hộ nghèo của xã; nên, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng:

Đối với: 1,4 gam thuốc phiện, cơ quan điều tra đã sử dụng hết vào việc giám định, nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với: 02 (hai) vỏ phong bì đã mở niêm phong; 01 (một) chiếc túi vải có dây đeo màu đen; Đây là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 (một) chiếc yếm váy có nhiều màu sắc, họa tiết khác nhau. Đây là vật bị cáo P sử dụng để giấu thuốc phiện, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[10] Về án phí và các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người T và P khai đã bán thuốc phiện cho T và P. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A T, bị cáo Sùng Thị P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Giàng A T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 02 (hai) ngày tạm giữ.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị P 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi 02 (hai) ngày tạm giữ.

3. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ phong bì đã mở niêm phong; 01 (một) chiếc túi vải có dây đeo màu đen; 01 (một) chiếc yếm váy có nhiều màu sắc, họa tiết khác nhau.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Giàng A T, Sùng Thị P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo Giàng A T, Sùng Thị P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã P (TB);
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân